

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 22/9/2017

“V/v: Tranh chấp tài sản chung

sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Lâm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/HNGĐ-PT ngày 16/8/2017, về việc “*Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 11/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2017/QĐ-PT ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H - sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn TY, xã ET, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Đình D - Luật sư văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

3. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T - sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn TY, xã ET, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Thanh P – sinh năm 1993 (có mặt)

- Anh Hoàng Ngọc L – sinh năm 1994 (có mặt)

- Anh Hoàng Ngọc B – sinh năm 1997 (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn TY, xã ET, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị N

Địa chỉ: Thôn M, xã PX, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Ông Phạm Văn N1
Địa chỉ: Thôn B1, xã PX, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)
- Ông Ngô Đức L
Địa chỉ: Thôn TY, xã ET, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn: bà Trần Thị H trình bày như sau:

Bà và ông Hoàng Văn T hai người kết hôn với nhau từ tháng 9/1992 đến ngày 01/4/2016 được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 25/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2016, nhưng chưa giải quyết về tài sản. Do không thống nhất được với nhau về phần chia tài sản chung nên bà yêu cầu Tòa án chia các tài sản bao gồm:

- 02 lô đất có tổng diện tích 15.082m², 01 căn nhà cấp 4, 01 giếng khoan địa chất sâu 75m cùng dòng điện 3 pha, 1.300 cây cà phê và gần 200 trụ tiêu. Trong đó 01 lô đất có diện tích 12.867m², có GCN QSD đất mang tên hộ ông Hoàng Văn T; 01 lô đất có diện tích 2.215m² có GCN QSD đất mang tên hộ bà Trần Thị H.

- 4.000kg cà phê nhân xô vụ mùa 2015

- 600kg tiêu khô vụ mùa năm 2016.

Đối với diện tích đất 4.154m² tại thửa 04 và diện tích 4.844m² tại thửa 05 cùng tờ bản đồ số 23, theo GCN QSD đất số P 061081 cấp ngày 17/8/2001 mang tên hộ ông Hoàng Văn T, hai người đã thỏa thuận phân chia cho các con nên ngày 27/4/2016 bà Trần Thị H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tài sản trên. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia số tài sản chung còn lại gồm: 01 lô đất có diện tích 3.869 m² nằm trong GCNQSD đất đứng tên ông Hoàng Văn T (trên đất đã trồng 300 cây cà phê với trồng năm 2002 và 37 trụ tiêu trồng năm 2012, 37 trụ xi măng không có tiêu); 01 lô đất có diện tích 2.215 m² có GCN QSD đất đứng tên bà Trần Thị H (trên đất đã trồng 144 trụ tiêu, 10 trụ xi măng) và 01 ngôi nhà xây cấp 4, 01 sân xi măng; 4000kg cà phê nhân xô thu hoạch vụ mùa 2015; 600kg tiêu khô thu hoạch vụ mùa năm 2016. Nay bà yêu cầu Tòa án phải đưa bà T1 (đại lý thu mua nông sản T1H) và bà Hoàng Thị X (là chị gái ông T) và bà Hoàng Thị L1 (là em gái ông T) và những cửa hàng, người làm công như ông T đã khai để tham gia tố tụng trong vụ án.

Bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày: Ông và bà Trần Thị H kết hôn với nhau từ tháng 9/1992 đến ngày 01/4/2016 được Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết ly hôn theo quyết định ly hôn, khi giải quyết hai bên đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay thỏa thuận trên không thi hành được nên bà H làm đơn khởi kiện phân chia tài sản 02 lô đất có tổng diện tích 15.082m², 01 căn nhà cấp 4, 01 giếng khoan địa chất sâu 75m cùng dòng điện 3 pha, 1.300 cây cà phê và gần 200 trụ tiêu. Trong đó 01 lô đất có diện tích

12.867m², có GCN QSD đất mang tên hộ ông Hoàng Văn T; 01 lô đất có diện tích 2.215m² có GCN QSD đất mang tên hộ bà Trần Thị H. Ông đồng ý với yêu cầu của bà H về việc rút một phần khỏi kiện đối với diện tích đất 4.154m² tại thửa 04 và diện tích 4.844m² tại thửa 05 cùng tờ bản đồ số 23, theo GCN QSD đất P 061081 cấp ngày 17/8/2001 mang tên hộ ông Hoàng Văn T, ông thừa nhận số tài sản này hai người đã tự thỏa thuận phân chia cho các con nên không đặt ra để giải quyết. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia số tài sản chung còn lại gồm: 01 lô đất có diện tích 3.869 m² nằm trong GCNQSD đất đứng tên ông Hoàng Văn T (trên đất đã trồng 300 cây cà phê với trồng năm 2002 và 37 trụ tiêu trồng năm 2012, 37 trụ xi măng không có tiêu); 01 lô đất có diện tích 2.215 m² có GCN QSD đất đứng tên bà Trần Thị H (trên đất đã trồng 144 trụ tiêu, 10 trụ xi măng) và 01 ngôi nhà xây cấp 4, 01 sân xi măng, được xây dựng trên lô đất diện tích 2.215 m² có GCN QSD đất đứng tên bà Trần Thị H.

Đối với 4.000kg cà phê nhân xô thu hoạch năm 2015, sau khi thu hoạch xong (thời điểm chưa ly hôn) hai người đã bán 2.000 kg, còn lại 2.000kg và 600kg tiêu hạt khô vụ mùa đầu năm 2016, ông thừa nhận số tài sản này ông đã tự bán để chi phí mua phân bón cây cà phê, thuê công người làm cà phê, xin việc và mua xe máy cho con gái, gửi cho 02 con trai ăn học nên ông không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ *Chị Nguyễn Thị Thanh P trình bày:* Chị thừa nhận số tài sản tòa án đang giải quyết là tài sản chung của ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị H nên phải chia công bằng theo pháp luật. Đối với số tài sản 4.000kg cà phê nhân xô thu hoạch năm 2015 và 600kg tiêu hạt khô vụ mùa đầu năm 2016 là tài sản chung của gia đình, ông T đã tự ý bán hết và kê khai đã chi hết số tiền trên là không đúng thực tế. Nay chị yêu cầu ông T và bà H cùng các con thống nhất với nhau về số tài sản yêu cầu giải quyết, nếu không thỏa thuận được thì chị yêu cầu Tòa án phải đưa bà T1 (đại lý thu mua nông sản T1H) và bà Hoàng Thị X (là chị gái ông T) và bà Hoàng Thị L1 (là em gái ông T) và những cửa hàng, người làm công như ông T đã khai để tham gia tố tụng trong vụ án.

+ *Anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc B trình bày:* Anh L, anh B đồng ý với ý kiến của chị Nguyễn Thị Thanh P. Nay hai anh em đã trên 18 tuổi nên yêu cầu ông T và bà H làm thủ tục sang tên số tài sản đã cho các anh gồm: 02 diện tích đất 4.154m² tại thửa 04 và diện tích 4.844m² tại thửa 05 cùng tờ bản đồ số 23, theo GCN QSD đất P 061081 cấp ngày 17/8/2001 mang tên hộ ông Hoàng Văn T.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 214; Điều 219; Điều 226; Điều 246 của Bộ luật dân sự 2005 và điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 và pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009 của UBTVQH.

1. Ghi nhận việc các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị H được quyền sử dụng chung 01 giếng khoan địa chất sâu 75m + đường dây điện 3 pha + 01 đồng hồ điện + 01 bơm hỏa tiễn.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn của bà Trần Thị H.

Ông Hoàng Văn T được quyền sử dụng diện tích 3.764m², trong đó có 400m² đất ở + 3.364m² đất cà phê tại thôn TY, xã ET, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận: Bắc giáp đất nhà ông H1 dài 71m; Nam giáp đất của bà Trần Thị H đã được chia dài 103m; Đông giáp đường liên xã rộng 44m và Tây giáp đường liên thôn rộng 45,3m. Tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, tường xây bao, trần tôn lạnh, nền lát gạch men + công trình phụ có diện tích 55,3m²; Sân phơi, nền láng xi măng có tổng diện tích 212m² và các cây trồng giữ nguyên hiện trạng tương ứng với phần đất đã được chia.

Bà Trần Thị H được quyền sử dụng diện tích 2.32m², trong đó có 400m² đất ở + 1.920m² đất cà phê tại thôn TY, xã ET, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận: Bắc giáp ông Hoàng Văn T được chia dài 103m; Nam giáp đất nhà ông Cường dài 130m; Đông giáp đường liên xã rộng 22m và Tây giáp đường liên thôn rộng 22,7m và các cây trồng giữ nguyên hiện trạng tương ứng với phần đất đã được chia.

Ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị H phải thực hiện việc sử dụng, bàn giao đất và tài sản trên đất theo như quyết định của Tòa án.

Ông Hoàng Văn T phải bồi hoàn giá trị chênh lệch cho bà Trần Thị H số tiền 78.714.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản là diện tích 4.154m² tại thửa số 04 và diện tích 4.844m² tại thửa số 05 cùng tờ bản đồ số 23 theo GCN QSD đất số P 061081 của UBND huyện Krông Năng cấp ngày 17/8/2001.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2017, nguyên đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thanh P, anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc B kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thanh P, anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tài sản bà H yêu cầu Tòa án giải quyết là tài sản chung của ông T và bà H được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nên ông T cho rằng các thửa đất trên là tài sản riêng của ông để chia phần hơn là không đúng, bởi quá trình sử dụng cả hai người đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi giải quyết việc xin ly hôn hai người đã thỏa thuận chia đều cho hai bên và các con, số tài sản 4.000kg cà phê và 600kg tiêu là chung của hai người, ông T tự ý bán không cho bà H biết, nay ông T cho rằng đã chi tiêu hết nhưng ông không cung cấp được tài liệu để chứng minh cho việc chi tiêu trên. Nay ông cho rằng số cà phê và tiêu ông bán tại Đại lý HT1 lấy tiền trả cho bà Hoàng Thị X (chị gái ông T) 40.000.000đ, mua xe máy, xin việc, đóng tiền học cho con và tiền thuê công người làm, mua phân bón Cà phê và Tiêu. Khi thụ lý giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết phân chia tài sản chung giữa bà H và ông T và chia cho ông T phần nhiều hơn là không đúng với quy định của pháp luật, không đưa Đại lý HT1, bà Hoàng Thị X (chị gái ông T), bà Hoàng Thị L1 (em gái ông T) và những người làm công cho ông T liên quan đến khoản tiền bán cà phê, tiêu để chi trả vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử, Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng năm 2015 để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, người liên quan:

Đối với sản lượng 4.000kg cà phê nhân xô năm 2015 và 600kg tiêu khô năm 2016, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện phân chia tài sản trên, tuy nhiên, phần Quyết định của bản án lại không tuyên là chưa giải quyết triệt để yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm không xác định rõ cụ thể từng khoản chi phí của ông T đối với số tiền gửi các con học, chi phí đầu tư của ông T đối với số tiền đã bán cà phê và tiêu trên. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm đã thu thập các tài liệu chứng cứ khác thể hiện bà Thúy (chủ Đại lý HT1) chỉ xác nhận giúp ông T chứ không có việc chốt và bán cà phê như ông T trình bày.

Mặt khác, phần đất ông T được chia theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/5/2016 thì diện tích là 3.869m², nhưng án sơ thẩm lại chia cho ông T 3.764m², bà H được chia 2.230m², nhưng hiện trạng thực tế là 2.215m² là không đúng, không trùng với diện tích được cấp. Thửa đất ông T được chia theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ không có căn nhà cấp 4, mà căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất diện tích 2.215m² chia cho bà H. Trong khi đó tổng trị giá tài sản ông T được chia là 339.172.000đ thấp hơn tổng trị giá tài sản bà H được chia 423.788.000 đ nhưng án sơ thẩm nhận định buộc ông T phải bồi hoàn số tiền 78.714.000đ là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Tại GCN QSD đất số P061081 thửa đất số 51 (BL06), trang thay đổi khi cấp thể hiện thửa đất

đang thế chấp tại Ngân hàng NN&PTNT xã ET ngày 26/02/2008 nhưng không có dòng đã xóa thế chấp hay chưa nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ.

Xét thấy, bản án sơ thẩm thu thập, xem xét đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện khách quan, bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, chấp nhận kháng cáo của chị P, anh Linh, anh Ba hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc chia tài sản chung là 01 lô đất có diện tích 3.869 m² nằm trong GCN QSD đất mang tên hộ ông Hoàng Văn T; 01 lô đất có diện tích 2.215 m² có GCN QSD đất mang tên hộ bà Trần Thị H. HĐXX thấy rằng, về nguồn gốc đất tranh chấp, là bà Trần Thị H và ông Hoàng Văn T nhận chuyển nhượng của ông Ngô Đức L vào năm 1999 trong thời kỳ hôn nhân. Đối với số tài sản là 4.000kg cà phê nhân xô vụ mùa năm 2015 và 600kg tiêu khô vụ mùa đầu năm 2016, ông T thừa nhận có số tài sản trên nhưng ông cho rằng, 2.000kg cà phê ông đã ký gửi ở Đại lý HT1 tại xã ET, huyện K vào tháng 11/2015, số tiền ký gửi bà H và các con nhận, còn lại 2.000kg cà phê nhân ông đã tự bán tại Đại lý HT1 được số tiền 60.600.000 đồng và 600kg tiêu ông bán cho bà Nguyễn Thị T2 được 90.000.000 đồng. Tổng cộng 150.600.000 đồng. Số tiền trên ông sử dụng vào việc cải tạo đất, mua cây giống, phân bón cà phê và tiêu, hết số tiền là 60.000.000đồng; trả bà Hoàng Thị X (chị gái ông T) hết 40.000.000 đồng. Số tiền này ông T khai mượn của bà Xinh từ năm 2014 để đáo hạn nợ ngân hàng, sau đó cho là bà Hoàng Thị L1 (em gái ông T) mượn lại. Hiện tại bà H, chị P đã lấy nợ về để mua xe cho chị P; khoản tiền cho 02 con ăn học là 50.000.000đồng/06tháng. Bà Trần Thị H cùng các con không thừa nhận như lời trình bày trên của ông T và cho rằng: ông T không có ký gửi và bán cà phê tại Đại lý HT1 và không có việc bà và các con ra lấy tiền tại Đại lý HT1. Mặt khác, các khoản ông T kê khai về chăm sóc, cải tạo đất đều rất cao so với thực tế; còn số tiền 40.000.000 đồng mua xe máy là tiền bán cà phê vụ mùa 2014 sau đó cho em gái ông T là bà Hoàng Thị L1 mượn chứ không phải như ông T trình bày. Như vậy, tài sản trên là tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của bà Trần Thị H và ông Hoàng Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu của ông Hoàng Văn T cho rằng, năm 1982 trước thời điểm kết hôn ông đã có được tài sản gồm diện tích 4.700m² đất và 4.200m² đất lô cà phê tại đội 10 – Nông trường cà phê 49. Năm 1992 ông T, bà H kết hôn, đến năm 1999

ông T, bà H mua toàn bộ tài sản hiện đang tranh chấp. Năm 2004 thì ông T, bà H bán diện tích 4.700m² đất và tài sản trên lô đất 4.200m² được số tiền 63.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền thôi việc. Ông T sử dụng số tiền trên để chi trả một phần tiền nợ mua đất và dùng để mua xe, xây nhà phục vụ cho việc sinh hoạt trong gia đình nên phải chia cho ông T nhiều hơn. Tuy nhiên, sau khi kết hôn hai vợ chồng đã cùng canh tác, sản xuất và xây dựng nhà ở trên lô đất đó từ trước tới nay. Do đó, có cơ sở để xác định diện tích đất các thửa đất và số tài sản khác bà H yêu cầu giải quyết được xác định là khối tài sản chung của bà H và ông T nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng H1, T1 (chủ Đại lý HT1) và bà Nguyễn Thị T2 tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan để làm rõ có việc mua bán, ký gửi cà phê và nhận tiền như ông T trình bày, không đưa Hoàng Thị X (chị gái ông T) và bà Hoàng Thị L1 (em gái ông T) vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan để làm rõ số tiền 40.000.000 đồng, không đưa những người làm công, bán phân cho ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng để làm rõ số tiền 60.600.000 đồng đã chi có đúng như ông T trình bày không? Chưa xem xét số cây cà phê trên diện tích đất tranh chấp là thiếu sót.

[3] Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xác minh chưa đầy đủ, đưa thiếu người tham gia tố tụng liên quan trong vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thanh P, anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc B hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị H, chị Hoàng Thị Thanh P, anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thanh P, anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc B.

Áp dụng Điều 33, 59, 60, 61 và Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 3 Điều 148 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án “Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn” giữa nguyên đơn bà Trần Thị H, bị đơn ông Hoàng Văn T; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

*** Về chi phí định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm:** Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

*** Về án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Trần Thị H, chị Hoàng Thị Thanh P, anh Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002550 ngày 17/7/2017 và AA/2016/0002584 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn